

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3460/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư dự án

**Tên dự án: Các dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2017
của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới,
có sử dụng vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2017
hỗ trợ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Bình Định.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ
Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng
Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về nhiệm
vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu
tư công;

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
năm 2017; Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Chủ tịch UBND
tỉnh về việc phân bổ kinh phí bổ sung từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản: số 386/BC-
SKHĐT ngày 07/8/2017, Văn bản số 353/BC-SKHĐT ngày 26/7/2017 và Văn
bản số 435/BC-SKHĐT ngày 22/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án, với các nội dung chủ
yếu sau:**

1. Tên dự án: Các dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2017 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, có sử dụng vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2017 hỗ trợ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Bình Định.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia ở các xã nông thôn mới có dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2017, có sử dụng vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2017 hỗ trợ của các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Bình Định.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn các xã nông thôn mới có dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2017, có sử dụng vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2017 hỗ trợ của các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Bình Định.

4. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

a. Sự cần thiết đầu tư: Nhằm hoàn thiện hạ tầng nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho người dân, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ở các xã nông thôn mới trong thời gian đến là rất cần thiết.

b. Các điều kiện để thực hiện đầu tư: Căn cứ Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Đề án xây dựng nông thôn mới ở các xã đã được phê duyệt.

c. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư: Việc đầu tư xây dựng các dự án phục vụ nông thôn mới là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã.

5. Mục tiêu và quy mô đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng các dự án nhằm góp phần đảm bảo yêu cầu đạt chuẩn của các tiêu chí nông thôn mới, phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế xã hội và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; đồng thời, tạo mỹ quan khu vực nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp.

b. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm C quy mô nhỏ, thuộc các tiêu chí: giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm v.v.... Quy mô đầu tư chi tiết ở từng danh mục dự án như phụ lục kèm theo.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: Chỉ tính các dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2017 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, có sử dụng vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2017 hỗ trợ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Bình Định. **126.814.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ, tám trăm mười bốn triệu đồng).**

7. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công
Phân vốn cân đối từ các nguồn cho dự án ở các năm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn khác
2017	52.891	534	2.006	30.202
2018	13.028	1.266	2.677	23.583
2019	73	400	32	122
Tổng cộng	65.992	2.200	4.715	53.907

(Chi tiết vốn cho các danh mục dự án như phụ lục kèm theo).

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách cấp huyện, vốn ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư: Năm 2017.

10. Các giải pháp tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ từng danh mục dự án chi tiết trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã xây dựng nông thôn mới và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K19



Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

**CÁC DỰ ÁN NHÓM C QUY MÔ NHỎ, KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2017 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2017 HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Kèm theo Quyết định số ~~3160~~ **3160** QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm															Đơn vị tính: Triệu đồng	
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019						
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác		
	TỔNG CỘNG				126.814	65.992	2.200	4.715	53.907	85.632	52.891	534	2.006	30.202	40.555	13.028	1.266	2.677	23.583	627	73	400	32	122		
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN				5.723	2.199	0	2.679	845	4.686	2.199	0	1.642	845	1.037	0	0	1.037	0	0	0	0	0	0		
1	Xã Phước Mỹ				660	315	0	0	345	660	315	0	0	345	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																									
1.1	Kênh mương từ Lỗ Hào thôn Thanh Long đến Rộc Triết thôn Mỹ Lợi, xã Phước Mỹ	Thôn Thanh Long, Mỹ Lợi	1.500 m	2017	660	315	0	0	345	660	315	0	0	345	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Xã Nhơn Lý				648	315	0	333	0	648	315	0	333	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 15: Y tế</i>																									
2.1	Sửa chữa Trạm y tế xã Nhơn Lý	Nhon Lý	0	2017	648	315	0	333	0	648	315	0	333	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Xã Nhơn Hải				815	315	0	0	500	815	315	0	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																									
3.1	Kè chắn sóng chống ngập úng nội bộ thôn Hải Nam, xã Nhơn Hải	Thôn Hải Nam	301,78m	2017	815	315	0	0	500	815	315	0	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	Xã Nhơn Châu				3.600	1.254	0	2.346	0	2.563	1.254	0	1.309	0	1.037	0	0	1.037	0	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																									
4.1	Nhà văn hóa xã Nhơn Châu, hạng mục Xây dựng thêm một dãy nhà mới	0	311m2	2017	2.982	945	0	2.037	0	1.945	945	0	1.000	0	1.037	0	0	1.037	0	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																									
4.2	Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường BT GTNT xóm Bắc xã Nhơn Châu	0	118m	2017	618	309	0	309	0	618	309	0	309	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
II	HUYỆN HOÀI NHƠN				9.950	2.393	0	0	7.557	5.140	2.393	0	0	2.747	4.810	0	0	0	4.810	0	0	0	0	0		
1	Xã Hoài Phú				997	200	0	0	797	692	200	0	0	492	305	0	0	0	305	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 3: Thủy Lợi</i>																									
1.1	Tuyến mương từ kênh N1 đến cống Cam Khô	Lương Tho 1	820	2017	997	200	0	0	797	692	200	0	0	492	305	0	0	0	305	0	0	0	0	0		
2	Xã Hoài Sơn				2.217	409	0	0	1.808	879	409	0	0	470	1.338	0	0	0	1.338	0	0	0	0	0		
	<i>Tiêu chí 3: Thủy Lợi</i>																									
2.1	Tuyến kênh từ đập cầu chợ đến đập bầu Sấm	An Hội	600	2017	771	151	0	0	620	271	151	0	0	120	500	0	0	0	500	0	0	0	0	0		
2.2	Tuyến kênh từ giếng thủ đến đường Tây Tinh	Tường Sơn	500	2017	579	115	0	0	464	265	115	0	0	150	314	0	0	0	314	0	0	0	0	0		



74

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
2.3	Tuyến kênh từ Lù Cát đến đường BT An Hội	An Hội	700	2017	867	143	0	0	724	343	143	0	0	200	524	0	0	0	524	0	0	0	0	0
3	Xã Hoài Thanh Tây				1.700	315	0	0	1.385	1.700	315	0	0	1.385	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
3.1	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Ngỗ đến nhà Trần Tâm ra nhà bà Nguyễn Thị Ít thôn Ngọc An Đông	Ngọc An Đông	600	2017	550	115	0	0	435	550	115	0	0	435	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Tuyến từ nhà ông Phan Văn Thúc đến đường Đào Duy Từ thôn Tài Lương 3	Tài Lương 3	600	2017	650	100	0	0	550	650	100	0	0	550	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Tuyến đường từ nhà Vũ Minh Châu đến nhà Lữ Xuân Hoàng thôn Tài Lương 4	Tài Lương 4	450	2017	500	100	0	0	400	500	100	0	0	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Xã Hoài Hải				4.536	1.254	0	0	3.282	1.654	1.254	0	0	400	2.882	0	0	0	2.882	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
4.1	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước từ Chợ Hoài Hải đến Kim Giao Trung và Kim Giao Bắc	Kim Giao Nam-Kim Giao Trung-Kim Giao Bắc	1099	2017-2018	4.536	1.254	0	0	3.282	1.654	1.254	0	0	400	2.882	0	0	0	2.882	0	0	0	0	0
5	Hoài Đức				500	215	0	0	285	215	215	0	0	0	285	0	0	0	285	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
5.1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lại Đức	LĐ	1185	2017	500	215	0	0	285	215	215	0	0	0	285	0	0	0	285	0	0	0	0	0
III	HUYỆN PHÙ CÁT				20.845	7.427	1.800	0	11.618	12.679	6.216	534	0	5.929	8.166	1.211	1.266	0	5.689	0	0	0	0	0
1	Xã Cát Chánh				2.620	1.310	0	0	1.310	1.899	1.254	0	0	645	721	56	0	0	665	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																							
1.1	Mương bê tông sau HTX đến Bờ Bi	Chánh Định	600 m	2017	1.250	625	0	0	625	931	586	0	0	345	319	39	0	0	280	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
1.2	Nhà văn hóa thôn Vân Triêm	Vân triêm	98 m2	2017	650	325	0	0	325	458	308	0	0	150	192	17	0	0	175	0	0	0	0	0
1.3	Nhà văn hóa thôn Chánh Hữu	Chánh hữu	98 m2	2017	720	360	0	0	360	510	360	0	0	150	210	0	0	0	210	0	0	0	0	0
2	Xã Cát Minh				3.137	1.254	0	0	1.883	2.113	1.254	0	0	859	1.024	0	0	0	1.024	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																							
2.1	Kiên cố hóa kênh mương xã Cát Minh, tuyến từ nền Diên đến Gò Đổ	Đức Phổ 2	651m	2017	1.261	454	0	0	807	913	454	0	0	459	348	0	0	0	348	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
2.2	Nhà văn hóa thôn Gia Thạnh	Gia Thạnh	126,4m2	2017	888	390	0	0	498	590	390	0	0	200	298	0	0	0	298	0	0	0	0	0
2.3	Nhà văn hóa thôn Trung Chánh	Trung Chánh	135,8m2	2017	988	410	0	0	578	610	410	0	0	200	378	0	0	0	378	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Xã Cát Khánh				2.692	1.024	0	0	1.668	1.909	1.024	0	0	885	783	0	0	0	783	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>								0					0					0					0
3.1	Kiến cổ hoá kênh mương xã Cát Khánh, tuyến từ đập Bộ Tôn đến cánh Đồng Sát	Chánh Lợi	706 m	2017	487	140	0	0	347	340	140	0	0	200	147	0	0	0	147	0	0	0	0	0
3.2	Kiến cổ hoá kênh mương xã Cát Khánh, tuyến từ ruộng ông Hoà đến giáp mương Cây Già	Chánh Lợi, Thắng Kiên	642 m	2017	694	258	0	0	436	548	258	0	0	290	146	0	0	0	146	0	0	0	0	0
3.3	Kiến cổ hoá kênh mương xã Cát Khánh, tuyến từ cây Tra đến Lỗ Lắm	Phú Long	199 m	2017	261	80	0	0	181	175	80	0	0	95	86	0	0	0	86	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>								0					0					0					0
3.4	Chợ Đồng Lầm xã Cát Khánh, HM: San nền + Sửa chữa lều cũ + xây dựng mới	Thắng Kiên	806 m2	2017	1.250	546	0	0	704	846	546	0	0	300	404	0	0	0	404	0	0	0	0	0
4	Xã Cát Hưng				2.500	600	600	0	1.300	915	315	0	0	600	1.585	285	600	0	700	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0					0					0
4.1	Nhà văn hóa xã Cát Hưng	Hưng Mỹ II	220m2	2017-2018	2.500	600	600	0	1.300	915	315	0	0	600	1.585	285	600	0	700	0	0	0	0	0
5	Xã Cát Lâm				1.104	15	534	0	555	1.104	15	534	0	555	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 5: Trường học</i>								0					0					0					0
5.1	Xây dựng nhà hiệu bộ trường tiểu học	An Điểm	176m2	2017	1.104	15	534	0	555	1.104	15	534	0	555	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Xã Cát Sơn				850	315	100	0	435	515	315	0	0	200	335	0	100	0	235	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>								0					0					0					0
6.1	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Lãnh đi Đèo ngụy (Đoạn nhà ông Lãnh đến suối Đồng đèo)	Thạch Bàn Đông	450m	2017	150	50	0	0	100	100	50	0	0	50	50	0	0	0	50	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0					0					0
6.2	Nhà Văn Hóa Thôn Thạch Bàn Tây	Thạch Bàn Tây	150m2	2017	700	265	100	0	335	415	265	0	0	150	285	0	100	0	185	0	0	0	0	0
7	Xã Cát Tân				1.341	500	0	0	841	715	315	0	0	400	626	185	0	0	441	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>								0					0					0					0
7.1	Đường BTXM GTNT xã Cát Tân, tuyến: Đường đi xóm Tây Bắc-Tây Nam, thôn Kiều Huyền	Kiều Huyền	1.310m	2017	1.341	500	0	0	841	715	315	0	0	400	626	185	0	0	441	0	0	0	0	0
8	Xã Cát Thắng				3.000	1.000	500	0	1.500	915	315	0	0	600	2.085	685	500	0	900	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0					0					0
8.1	Nhà văn hóa xã Cát Thắng	Vĩnh Phú	400m2	2017-2018	3.000	1.000	500	0	1.500	915	315	0	0	600	2.085	685	500	0	900	0	0	0	0	0
9	Xã Cát Tường				950	409	66	0	475	709	409	0	0	300	241	0	66	0	175	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>								0					0					0					0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
										Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
9.1	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường, tuyến: ĐT 635 - Ngõ Máy	Phù Gia	850m	2017	950	409	66	0	475	709	409	0	0	300	241	0	66	0	175	0	0	0	0	0
10	Xã Cát Hải				2.651	1.000	0	0	1.651	1.885	1.000	0	0	885	766	0	0	0	766	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>								0					0				0					0	
10.1	Đường BTXM GTNT xã Cát Hải, tuyến: ĐT 639 - Suối bà Lợi	Chánh Oai	970m	2017	543	290	0	0	253	340	290	0	0	50	203	0	0	0	203	0	0	0	0	0
10.2	Đường BTXM GTNT, tuyến dọc suối ông Ca (đoạn 1)	Tân Thanh	285m	2017	332	70	0	0	262	295	70	0	0	225	37	0	0	0	37	0	0	0	0	0
10.3	Đường BTXM GTNT xã Cát Hải, tuyến: ĐT 639 nhà Cấn - núi (đường Ông Tai)	Chánh Oai	500m	2017	520	200			320	350	200			150	170				170					
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0				0						
10.3	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng, hạng mục: Xây mới nhà vệ sinh + sửa chữa tường rào	Tân Thắng	107m2	2017	637	220	0	0	417	450	220	0	0	230	187	0	0	0	187	0	0	0	0	0
10.4	Nhà văn hóa thôn Chánh Oai, hạng mục: Xây mới nhà vệ sinh + sửa chữa tường rào	Chánh Oai	99m2	2017	619	220	0	0	399	450	220	0	0	230	169	0	0	0	169	0	0	0	0	0
IV	HUYỆN TUY PHƯỚC				8.350	3.541	0	0	4.809	8.050	3.241	0	0	4.809	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Xã Phước Hòa				810	409	0	0	401	810	409	0	0	401	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2 - Giao thông</i>																							
1.1	BTXM nội đồng đội 5 thôn Bình Lâm (Khắc phục thiệt hại lũ lụt 2016)	Bình Lâm	0,36 km	2017	810	409	0	0	401	810	409	0	0	401	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã Phước Hiệp				700	318	0	0	382	700	318	0	0	382	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2 - Giao thông</i>																							
2.1	Cứng hóa GTND từ bầu ông cự đến Lăng mộ Lê Công Miên	Luật Chánh	1km	2017	400	200	0	0	200	400	200	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Cứng hóa GTND từ nhà Trần đến cầu sông Tranh	Giang Nam	0,9km	2017	300	118	0	0	182	300	118	0	0	182	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Xã Phước Thành				1.125	515	0	0	610	925	315	0	0	610	200	200	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>																							
3.1	Nâng cấp cải tạo chợ Cây Sanh	Cánh An 2	1.900m2	2017	1.125	515	0	0	610	925	315	0	0	610	200	200	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Xã Phước Nghĩa				650	315	0	0	335	650	315	0	0	335	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>																							
4.1	Hệ thống thoát nước chợ Phước Nghĩa	Hưng Nghĩa	154,6m	2017	650	315	0	0	335	650	315	0	0	335	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Phước Lộc				1.440	315	0	0	1.125	1.440	315	0	0	1.125	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3 - Thủy lợi</i>																							
5.1	KCHKM tuyến từ cống cây me xuống chùa đến kênh N23.	Quang Huy	1km	2017	760	150	0	0	610	760	150	0	0	610	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

74

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
5.2	KCHKM tuyến từ kênh N23 sau lưng chùa Trung Thành xuống kênh TX5	Trung Thành	0,9km	2017	680	165	0	0	515	680	165	0	0	515	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Xã Phước Thắng				2.508	1.254	0	0	1.254	2.508	1.254	0	0	1.254	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
6.1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Quang	Thanh Quang	80m2	2017	828	414	0	0	414	828	414	0	0	414	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lạc Điền	Lạc Điền	80m2	2017	860	430	0	0	430	860	430	0	0	430	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phở Đồng	Phở Đồng	80m2	2017	820	410	0	0	410	820	410	0	0	410	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Phước Thuận				1.117	415	0	0	702	1.017	315	0	0	702	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
7.1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quảng Vân	Quảng Vân	110m2	2017	558	250	0	0	308	458	150	0	0	308	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Liêm Thuận	Liêm Thuận	110m2	2017	559	165	0	0	394	559	165	0	0	394	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	HUYỆN HOÀI AN				14.671	6.422	0	1.443	6.806	9.094	5.704	0	0	3.390	5.457	645	0	1.411	3.401	121	73	0	32	16
1	Xã Ân Thạnh				700	315	0	70	315	420	315	0	0	105	280	0	0	70	210	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
1.1	Xây dựng bãi xử lý rác thải rắn xã Ân Thạnh	Ân Thạnh	2000 m2	2017	700	315	0	70	315	420	315	0	0	105	280	0	0	70	210	0	0	0	0	0
2	Xã Ân Phong				400	160	0	40	200	315	115	0	0	200	85	45	0	40	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
2.1	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Phong	Ân Phong	2000 m2	2017	400	160	0	40	200	315	115	0	0	200	85	45	0	40	0	0	0	0	0	0
3	Xã Ân Tường Tây				350	165	0	35	150	218	165	0	0	53	133	0	0	35	98	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
3.1	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Tường Tây	Tân Thạnh	0,00	2017	350	165	0	35	150	218	165	0	0	53	133	0	0	35	98	0	0	0	0	0
4	Xã Ân Hào Đông				1.350	540	0	135	675	715	315	0	0	400	635	225	0	135	275	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
4.1	Nhà Văn Hóa Xã Ân Hào Đông	Ân Hào Đông	0,00	2017	1.000	400	0	100	500	515	215	0	0	300	485	185	0	100	200	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
4.2	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Hào Đông	0,00	0,00	2017	350	140	0	35	175	200	100	0	0	100	150	40	0	35	75	0	0	0	0	0
5	Xã Ân Hào Tây				1.200	566	0	120	514	746	566	0	0	180	454	0	0	120	334	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
										Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
5.1	KCH Kênh mương tuyến cầu suối - ruộng ông Đông	Vạn Trung	0,00	2017	700	316	0	70	314	421	316	0	0	105	279	0	0	70	209	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
5.2	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Hào Tây	Vạn Trung	0,00	2017	500	250	0	50	200	325	250	0	0	75	175	0	0	50	125	0	0	0	0	0
6	Xã Ân Mỹ				350	140	0	35	175	173	120	0	0	53	178	20	0	35	123	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
6.1	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Mỹ	Thôn Mỹ Thành	0,00	2017	350	140	0	35	175	173	120	0	0	53	178	20	0	35	123	0	0	0	0	0
7	Xã Ân Hữu				2.905	1.270	0	292	1.343	1.840	1.054	0	0	786	1.041	191	0	292	558	25	25	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
7.1	Nâng cấp đường nội đồng tuyến công cây me đi mương hồ học mỹ giáp đường WB	Hội Nhon	350m	2017	400	200	0	40	160	260	200	0	0	60	140	0	0	40	100	0	0	0	0	0
7.2	Nâng cấp đường nội đồng tuyến cuối đường WB Liên Hội đi nhà ông Huy xóm 3 Hội Nhon	Hội Nhon	100m	2017	120	60	0	12	48	78	60	0	0	18	42	0	0	12	30	0	0	0	0	0
7.3	Bê tông giao thông tuyến nhà ông Ánh đi học Miếu	Hà Đông	400,00	2017	500	250	0	50	200	325	250	0	0	75	175	0	0	50	125	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																							
7.4	Kiên cố hóa kênh mương tuyến Bàu tích đến Xương rồng	Xuân Sơn	400m	2017	525	200	0	50	275	355	80	0	0	275	145	95	0	50	0	25	25	0	0	0
7.5	Kiên cố hóa kênh mương tuyến trạm bơm đội 1 đi cây côn	Hà Đông	350m	2017	360	160	0	40	160	266	106	0	0	160	94	54	0	40	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
7.6	Xây mới nhà văn hóa thôn Liên Hội	Liên Hội	Nhà cấp 4	2017	650	260	0	65	325	348	250	0	0	98	303	10	0	65	228	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
7.7	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Hữu	0,00	0,00	2017	350	140	0	35	175	208	108	0	0	100	142	32	0	35	75	0	0	0	0	0
8	Xã Ân Nghĩa				1.866	858	0	177	831	1.226	810	0	0	416	545	0	0	145	400	96	48	0	32	16
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>																							
8.1	Kênh mương từ Nà sen đến Đồng Lớn (nối tiếp)	Nghĩa Nhon	300m	2017	416	128	0	32	256	278	80	0	0	198	42	0	0	0	42	96	48	0	32	16
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
8.2	Xây dựng Nhà Văn Hóa thôn Phú Ninh	Phú Ninh	Cấp 4	2017	1.000	550	0	100	350	700	550	0	0	150	300	0	0	100	200	0	0	0	0	0

36

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
8.3	Điểm chôn lấp xử lý rác thải thôn Kim Sơn	Kim Sơn	2000m2	2017	450	180	0	45	225	248	180	0	0	68	203	0	0	45	158	0	0	0	0	0
9	Xã Ân Tường Đông				2.750	1.254	0	275	1.221	1.667	1.254	0	0	413	1.084	0	0	275	809	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
9.1	Nâng cấp BTXM đường xuống cấp thôn Trí Tường	Trí Tường	600m	2017	900	400	0	90	410	535	400	0	0	135	365	0	0	90	275	0	0	0	0	0
9.2	BTXM từ nhà ông Chung đến nhà ông Lệnh	Điều Tường	300m	2017	600	298	0	60	242	388	298	0	0	90	212	0	0	60	152	0	0	0	0	0
9.3	BTXM từ nhà ông Lệnh đến nhà bà Ngọc	Vĩnh Viễn	600m	2017	900	400	0	90	410	535	400	0	0	135	365	0	0	90	275	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
9.4	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Tường Đông	0,00	0,00	2017	350	156	0	35	159	209	156	0	0	53	142	0	0	35	107	0	0	0	0	0
10	Xã Ân Đức				500	200	0	50	250	265	190	0	0	75	235	10	0	50	175	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>																							
10.1	Xây dựng bãi rác thải rắn xã Ân Đức	Ân Đức	2000 m2	2017	500	200	0	50	250	265	190	0	0	75	235	10	0	50	175	0	0	0	0	0
11	Xã Đak Mang				1.300	554	0	130	616	749	554	0	0	195	551	0	0	130	421	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
11.1	Đường Bê tông xi măng Từ nhà Rộng O11 - nhà Bà Khơi O11- 500m	O11	500m	2017	650	280	0	65	305	378	280	0	0	98	273	0	0	65	208	0	0	0	0	0
11.2	Đường Bê tông xi măng từ nhà bà Đan đến nhà rộng T6	T6	500m	2017	650	274	0	65	311	372	274	0	0	98	279	0	0	65	214	0	0	0	0	0
12	Xã Ân Sơn				1.000	400	0	84	516	762	246	0	0	516	238	154	0	84	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>																							
12.1	Sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng xã Ân Sơn	0,00	0,00	2017	1.000	400	0	84	516	762	246	0	0	516	238	154	0	84	0	0	0	0	0	0
VI	HUYỆN TÂY SƠN				6.274	1.518	400	364	3.992	2.800	1.518	0	364	918	2.968	0	0	0	2.968	506	0	400	0	106
1	Xã Vĩnh An				1.409	258	0	70	1.081	328	258	0	70	0	1.081	0	0	0	1.081	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>																							
1.1	BTXM đường GTNT tuyến từ nhà văn hóa làng Kon Giang đến nhà Đình Dam	Kon Giang	980m	2017	1.409	258	0	70	1.081	328	258	0	70	0	1.081	0	0	0	1.081	0	0	0	0	0
2	Xã Bình Thuận				1.208	315	0	85	808	550	315	0	85	150	658	0	0	0	658	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm															
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019					
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	Tiêu chí: 02 - Giao thông																								
2.1	Đoạn từ Ngã tư đường cái ngang Thuận Hạnh đến nhà Nguyễn Sán. HM: Nền, mặt đường cấp phối	Thuận Hạnh - Thuận Nhứt	1.510m	2017	1.208	315	0	85	808	550	315	0	85	150	658	0	0	0	658	0	0	0	0	0	0
3	Xã Tây Phú				1.270	315	0	97	858	757	315	0	97	345	407	0	0	0	407	106	0	0	0	106	
	Tiêu chí: Thủy lợi																								
3.1	Từ đầu mương Bờ Từ đến Bọng Bờ Đình	Phú Mỹ	1296m	2017	1.050	261	0	82	707	643	261	0	82	300	316	0	0	0	316	91	0	0	0	91	
3.2	Từ nhà Hồ Trường đến mương cấp I	Phú Thọ	348m	2017	220	54	0	15	151	114	54	0	15	45	91	0	0	0	91	15	0	0	0	15	
4	Xã Tây An				1.761	315	400	70	976	685	315	0	70	300	676	0	0	0	676	400	0	400	0	0	
	Tiêu chí: 02 - Giao thông																								
4.1	Đường từ ngõ 7 Hàng đến Tây Vinh	Mỹ Đức	997m	2017	1.761	315	400	70	976	685	315	0	70	300	676	0	0	0	676	400	0	400	0	0	
5	Xã Tây Bình				626	315	0	42	269	480	315	0	42	123	146	0	0	0	146	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí: 02 - Giao thông																								
5.1	Mẫu giáo xóm 9 - Giáp Tây Vinh	An Chánh	370m	2017	370	180	0	26	164	280	180	0	26	74	90	0	0	0	90	0	0	0	0	0	
5.2	BT nhà Thờ - Gò Miếu Đông	Mỹ Thuận	220m	2017	226	120	0	16	90	170	120	0	16	34	56	0	0	0	56	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa																								
5.3	Nhà văn hóa thôn Mỹ An; HM: Nhà vệ sinh	Mỹ An	20m2	2017	30	15	0	0	15	30	15	0	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VII	HUYỆN VĂN CANH				11.452	9.436	0	0	2.016	6.534	4.880	0	0	1.654	4.918	4.556	0	0	362	0	0	0	0	0	
1	Xã Canh Liên				3.307	2.444	0	0	863	2.035	1.254	0	0	781	1.272	1.190	0	0	82	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa																								
1.1	Nhà Văn hóa làng Kà Nâu	Làng Kà Nâu	186 m2	2017-2018	1.642	1.479	0	0	163	835	754	0	0	81	807	725	0	0	82	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm																								
1.2	Hệ thống nước sinh hoạt xã Canh Liên (kéo dài đường ống từ Kà Bung đến Kà Bông)	Làng Kà Bung đến Kà Bông	3570 m	2017-2018	1.665	965	0	0	700	1.200	500	0	0	700	465	465	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Xã Canh Hòa				3.325	2.995	0	0	330	1.414	1.254	0	0	160	1.911	1.741	0	0	170	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: cơ sở vật chất văn hoá																								
2.1	Nhà văn hóa xã kết hợp khu sinh hoạt văn hóa xã	Xã Canh Hòa	200 m2	2017-2018	3.325	2.995	0	0	330	1.414	1.254	0	0	160	1.911	1.741	0	0	170	0	0	0	0	0	
3	Xã Canh Hiệp				349	314	0	0	35	349	314	0	0	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 2: Giao thông																								
3.1	BTXM từ đường phía Tây đến nghĩa địa xã Canh Hiệp	Làng Suối Đá	290m	2.017	349	314	0	0	35	349	314	0	0	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Xã Canh Vinh				1.775	1.254	0	0	521	1.775	1.254	0	0	521	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 2: Giao thông																								
4.1	Tuyến BTXM từ đường bê tông đến ngõ Phụ	An Long 2	176m	2.017	110	99	0	0	11	110	99	0	0	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm															
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019					
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.2	Tuyến BTXM từ nhà ông Minh đến đám điều ông Thành thôn Hiệp Vinh 2	Hiệp Vinh 2	160m	2.017	189	170	0	0	19	189	170	0	0	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa																								
4.3	Tường rào công ngõ, sân bê tông thôn Hiệp Vinh 1	Hiệp Vinh 1	560m2	2.017	353	113	0	0	240	353	113	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	Trụ sở kết hợp nhà văn hóa thôn Tân Vinh	Tân Vinh	122 m2	2.017	710	500	0	0	210	710	500	0	0	210	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn																								
4.5	Xây dựng mới chợ Đình. Hạng mục: Xây mới 01 lều chợ và nhà vệ sinh chợ Đình	An Long 2	Lều:30m x5m=150 m2 ; Nhà vệ sinh 4mx2m=8m2	2.017	413	372	0	0	41	413	372	0	0	41	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Canh Hiền				2.696	2.429	0	0	267	961	804	0	0	157	1.735	1.625	0	0	110	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: cơ sở vật chất văn hoá																								
5.1	XD nhà văn hoá kết hợp khu sinh hoạt văn hoá xã	Hiển Đông	200 m2	2017-2018	2.696	2.429	0	0	267	961	804	0	0	157	1.735	1.625	0	0	110	0	0	0	0	0	0
VII	HUYỆN AN LÃO				13.540	11.562	0	0	1.978	11.007	9.029	0	0	1.978	2.533	2.533	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Xã An Toàn				2.032	1.532	0	0	500	1.754	1.254	0	0	500	278	278	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0					0					0	0	0	0	0	0	0
1.1	Tuyến đường từ đường nhà ông Tự đến nhà ông Sơ	Thôn 2	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m;	2017	142	92	0	0	50	142	92	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Bê tông hóa tuyến từ Thôn 3 đến đồng Trinh (Đoạn nối tiếp)	Thôn 3	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m;	2017	920	700	0	0	220	642	422	0	0	220	278	278	0	0	0	0	0	0	0	0	0



74

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm															
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019					
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1.3	Bê tông hóa tuyến từ Thôn 3 đến đồng Xang (Đoạn nối tiếp)	Thôn 3	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m;	2017	970	740	0	0	230	970	740	0	0	230	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã An Nghĩa				1.785	1.510	0	0	275	1.529	1.254	0	0	275	256	256	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 2: Giao thông								0					0					0	0	0	0	0	0	
2.1	Làm mới tuyến đường từ thôn 5 đến làng cũ thôn 5 (đoạn nối tiếp)	Thôn 5	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m;	2017	715	550	0	0	165	665	500	0	0	165	50	50	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0					0					0	0	0	0	0	0	
2.2	Nâng cấp, cải tạo UBND xã, xây tường rào công ngõ	Thôn 1	Tường rào lưới B40=60 0m; tường rào lam BT=60m	2017	1.070	960	0	0	110	864	754	0	0	110	206	206	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Xã An Quang				1.225	1.100	0	0	125	1.129	1.004	0	0	125	96	96	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0					0					0	0	0	0	0	0	
3.3	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 3	Thôn 3	Sửa chữa nhà diện tích XD:	2017	335	300	0	0	35	335	300	0	0	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.4	Xây dựng mới phòng làm việc UBND xã	Thôn 2	Xây dựng mới 02 phòng	2017	890	800	0	0	90	794	704	0	0	90	96	96	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Xã An Vinh				1.583	1.420	0	0	163	1.191	1.028	0	0	163	392	392	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 5: Trường học								0					0					0	0	0	0	0	0	
4.2	Xây mới trường Tiểu học Thôn 6 (02 phòng học)	Thôn 6	Xây dựng mới 02 phòng	2017	780	700	0	0	80	432	352	0	0	80	348	348	0	0	0	0	0	0	0	0	

74

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
4.3	Xây mới công nghệ Trường PTDTBT Đình Nĩ	Thôn 1	Xây dựng mới công	2017	23	20	0	0	3	23	20	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm								0					0					0	0	0	0	0	0
4.5	Nâng cấp hệ thống nước sạch cho các Thôn 1, 4 và 5	Thôn 1;4;5	Sửa chữa hệ thống nước sạch thôn	2017	780	700	0	0	80	736	656	0	0	80	44	44	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã An Trung				1.605	1.350	0	0	255	1.334	1.079	0	0	255	271	271	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0					0					0	0	0	0	0	0
5.1	Đường BTGINT từ máy gạo ông Tường qua sông Đình đến nhà ông Hùng	Thôn 6	Bê tông GTINT loại B; Bm=3m; Bn=5m;	2017	340	220	0	0	120	320	200	0	0	120	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 5: Trường học								0					0					0	0	0	0	0	0
5.2	Xây dựng mới nhà xe giáo viên tại điểm trường Thôn 3-8 và Thôn 5	Thôn 8; Thôn 5	XD mới nhà để xe bằng khung thép, diện tích XD 02 nhà: 120m2	2017	230	200	0	0	30	230	200	0	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0					0					0	0	0	0	0	0
5.3	Xây dựng mới 02 phòng làm việc UBND xã	Thôn 5	Diện tích XD S=98m2	2017	700	630	0	0	70	474	404	0	0	70	226	226	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm								0					0					0	0	0	0	0	0
5.5	Xây dựng hệ thống thoát nước KDC thôn TMangGheng (Giai đoạn 2)	Thôn TMangGheng	Mương thoát ủng kích thước 40x40m,	2017	335	300	0	0	35	310	275	0	0	35	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Xã An Hưng				1.680	1.500	0	0	180	1.242	1.062	0	0	180	438	438	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 5: Trường học</i>								0					0					0	0	0	0	0	0
6.1	Xây mới nhà hiệu bộ trường Mẫu giáo An Hưng	Thôn 2	Xây dựng mới 02 phòng	2017	560	500	0	0	60	418	358	0	0	60	142	142	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0					0	0	0	0	0	0
6.3	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND xã	Thôn 2	Sửa chữa trụ sở xã diện tích XD 120m2, xây dựng tường rào	2017	1.120	1.000	0	0	120	824	704	0	0	120	296	296	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã An Hòa				1.340	1.200	0	0	140	1.234	1.094	0	0	140	106	106	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>								0					0					0	0	0	0	0	0
7.2	Hệ thống thoát nước khu dân cư Vạn Khánh (Tuyến thoát nước từ nhà ông Thành đến Soi Lò)	Thôn Vạn Khánh	Mương thoát ứng kích thước 50x50m, dày 15cm, L=120m; Cống bi D80	2017	1.340	1.200	0	0	140	1.234	1.094	0	0	140	106	106	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Xã An Tân				2.290	1.950	0	0	340	1.594	1.254	0	0	340	696	696	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>								0					0					0	0	0	0	0	0
8.1	Đường bê tông giao thông nội đồng đoạn từ ĐT (An Tân – An Quang) đến Gò Bà Nặng thôn Thuận An	T Thuận An	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m;	2017	730	550	0	0	180	488	308	0	0	180	242	242	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								0					0					0	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm															
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019					
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	
8.2	XD mới nhà văn hóa thôn Thuận Hòa	T Thuận Hòa	XD mới nhà văn hóa, diện tích	2017	890	800	0	0	90	590	500	0	0	90	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm								0					0					0	0	0	0	0	0	
8.3	Mương nội thoát thôn Thuận An	T Thuận An	Kênh mương kinh thước 40x60cm;	2017	670	600	0	0	70	516	446	0	0	70	154	154	0	0	0	0	0	0	0	0	
IX	HUYỆN PHÙ MỸ					24.315	11.690	0	0	12.625	16.072	9.572	0	0	6.500	8.243	2.118	0	0	6.125	0	0	0	0	
1	Xã Mỹ An					1.600	800	0	0	800	900	600	0	0	300	700	200	0	0	500	0	0	0	0	
	Tiêu chí 3: Thủy Lợi								0					0					0	0	0	0	0	0	
1.1	KCH kênh mương đồng cây u	Xuân Phương	L=1.200m	2017	1.200	600	0	0	600	650	450	0	0	200	550	150	0	0	400	0	0	0	0	0	
1.2	KCH kênh mương đồng trước	Chánh Giáo	L=400m	2017	400	200	0	0	200	250	150	0	0	100	150	50	0	0	100	0	0	0	0	0	
2	Xã Mỹ Cát					2.600	1.300	0	0	1.300	1.754	1.254	0	0	500	846	46	0	0	800	0	0	0	0	
	Tiêu chí 2: Giao thông								0					0					0	0	0	0	0	0	
2.1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Long đến giáp mương cấp 1 Cát Minh	Chánh Hội	L=1200m	2017	1.400	700	0	0	700	854	654	0	0	200	546	46	0	0	500	0	0	0	0	0	
2.2	BTXM tuyến đường vào chợ An Mỹ	An Mỹ	L=150m	2017	200	100	0	0	100	200	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiêu chí 3: Thủy Lợi								0					0					0	0	0	0	0	0	
2.3	KCH kênh mương từ kênh NK1 đến cống Bờ Xe	Hội Thuận	L=600m	2017	1.000	500	0	0	500	700	500	0	0	200	300	0	0	0	300	0	0	0	0	0	
3	Xã Mỹ Chánh Tây					650	325	0	0	325	415	315	0	0	100	235	10	0	0	225	0	0	0	0	
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0					0					0	0	0	0	0	0	
3.1	Nhà văn hóa thôn Trung Thuận	Trung Thuận	100m2	2017	650	325	0	0	325	415	315	0	0	100	235	10	0	0	225	0	0	0	0	0	
4	Xã Mỹ Châu					1.500	750	0	0	750	615	315	0	0	300	885	435	0	0	450	0	0	0	0	
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn								0					0					0	0	0	0	0	0	
4.1	Chợ Vạn An	Vạn An	300m2	2017	1.500	750	0	0	750	615	315	0	0	300	885	435	0	0	450	0	0	0	0	0	
5	Xã Mỹ Đức					2.700	1.350	0	0	1.350	1.904	1.254	0	0	650	796	96	0	0	700	0	0	0	0	
	Tiêu chí 2: Giao thông								0					0					0	0	0	0	0	0	

74

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
5.1	BTXM Đường từ nhà ông Mẫn đến nhà ông Phú Hòa Tân (BTXM tuyến từ nhà ông Tài - Nhà bà Tâm)	Hòa Tân	L=400m	2017	400	200	0	0	200	250	150	0	0	100	150	50	0	0	100	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn								0										100	0	0	0	0	0
5.2	Xây dựng chợ Phú Hà	Phú Hà	300 m2	2017	2.000	1.000	0	0	1.000	1.354	954	0	0	400	646	46	0	0	600	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm								0										600	0	0	0	0	0
5.3	Nghĩa trang nhân dân	Tân Phú	2 ha	2017	300	150	0	0	150	300	150	0	0	150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Xã Mỹ Lợi				2.988	1.494	0	0	1.494	2.454	1.254	0	0	1.200	534	240	0	0	294	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0										294	0	0	0	0	0
6.1	BTXM tuyến đường từ nhà bà Đăng đến nhà Viên	Chánh Khoan Nam	L=800m	2017	800	400	0	0	400	666	266	0	0	400	134	134	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	BTXM đường ĐT 632 (Ngõ mẹ VNAH Đình Thị Chấn) đi miếu Sơn (từ nhà Phê tới núi Ngang)	Phú Ninh Đông	L=615 m	2017	600	300	0	0	300	530	230	0	0	300	70	70	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 3: Thủy Lợi								0										0	0	0	0	0	0
6.3	KCH kênh mương đồng Thiên Tuế	Chánh Khoan Nam	L=500m	2017	500	250	0	0	250	500	250	0	0	250	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.4	KCH kênh mương từ nhà ông Tân đi đến nhà ông Hùng đồng Thiên Tuế	Chánh Khoan Nam	L=200m	2017	200	100	0	0	100	200	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0										0	0	0	0	0	0
6.5	Nhà làm việc của UBND xã (Nhà tiếp công dân và một cửa)	Chánh Khoan Nam	128,33m ²	2017	888	444	0	0	444	558	408	0	0	150	330	36	0	0	294	0	0	0	0	0
7	Xã Mỹ Phong				1.000	500	0	0	500	909	409	0	0	500	91	91	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0										0	0	0	0	0	0
7.1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vĩnh Bình	Vĩnh Bình	100m2	2017	250	125	0	0	125	234	109	0	0	125	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Gia Hội	Gia Hội	100m2	2017	250	125	0	0	125	225	100	0	0	125	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0
7.3	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Đức	Phú Đức	100m2	2017	250	125	0	0	125	225	100	0	0	125	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0
7.4	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phước Thung	Phước Thung	100m2	2017	250	125	0	0	125	225	100	0	0	125	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Xã Mỹ Tài				1.750	409	0	0	1.341	709	409	0	0	300	1.041	0	0	0	1.041	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0										1.041	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
8.1	Tuyến BTXM nhà máy đá Ông Tuấn đi Mỹ Hội 2	Mỹ Hội 2	L=550 m	2017	300	91	0	0	209	191	91	0	0	100	109	0	0	0	109	0	0	0	0	0
8.2	BTXM tuyến đường thôn Vĩnh Phú 7	Vĩnh Phú 7	L=1012 m	2017	850	198	0	0	652	298	198	0	0	100	552	0	0	0	552	0	0	0	0	0
8.5	BTXM tuyến đường làng nghề đan tre Vĩnh Nhon	Vĩnh Nhon	L=650 m	2017	600	120	0	0	480	220	120	0	0	100	380	0	0	0	380	0	0	0	0	0
9	Xã Mỹ Thắng				2.720	1.359	0	0	1.361	1.804	1.254	0	0	550	916	105	0	0	811	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0										0					0
9.1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Hoàn thôn 8 đến giáp đường bê tông liên xã	Thôn 8 Tây	XD cầu bản + L=160 m	2017	915	457	0	0	458	552	352	0	0	200	363	105	0	0	258	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 3: Thủy Lợi								0										0					0
9.2	Trạm bơm Phú Lộc	4	0	2017	746	373	0	0	373	523	373	0	0	150	223	0	0	0	223	0	0	0	0	0
9.3	KCH kênh mương từ cầu Cửa Bàng đến Hạng Ngòi (cầu An Lạc)	8 tây	L=300 m	2017	1.059	529	0	0	530	729	529	0	0	200	330	0	0	0	330	0	0	0	0	0
10	Xã Mỹ Thành				3.707	1.853	0	0	1.854	2.704	1.254	0	0	1.450	1.003	599	0	0	404	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0										0					0
10.1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Toại đến nhà ông Bùi Thu	Xuân Bình Nam	L= 300 m	2017	250	125	0	0	125	225	100	0	0	125	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0
10.2	BTXM tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Thị Khiết đến Nguyễn Cảnh	Xuân Bình Bắc	L=1000 m	2017	1.000	500	0	0	500	796	296	0	0	500	204	204	0	0	0	0	0	0	0	0
10.3	BTXM tuyến đường nhà Nguyễn Thị Thủ đến Phạm Đê	Hòa Hội Nam	L=300 m	2017	250	125	0	0	125	225	100	0	0	125	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0
10.4	BTXM tuyến đường từ nhà bà Hồng đến giáp Thu The	Xuân Bình Bắc	L=400m	2017	745	372	0	0	373	458	258	0	0	200	287	114	0	0	173	0	0	0	0	0
10.5	BTXM tuyến đường từ nhà Nguyễn Ngọc Linh đến Nguyễn Quang Sơn	Hung Lạc	L=800m	2017	1.062	531	0	0	531	800	400	0	0	400	262	131	0	0	131	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 3: Thủy Lợi								0										0					0
10.6	KCH kênh mương từ sông Thu The đến nhà ông Diễm	Xuân Bình Bắc	390 m	2017	400	200	0	0	200	200	100	0	0	100	200	100	0	0	100	0	0	0	0	0
11	Xã Mỹ Thọ				3.100	1.550	0	0	1.550	1.904	1.254	0	0	650	1.196	296	0	0	900	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0										0					0
11.1	Nhà văn hóa thôn Chánh Trực	Chánh Trực	100m2	2017	550	275	0	0	275	375	275	0	0	100	175	0	0	0	175	0	0	0	0	0
11.2	Nhà văn hóa thôn Thuận An	Thuận An	100m2	2017	500	250	0	0	250	300	200	0	0	100	200	50	0	0	150	0	0	0	0	0
11.3	Nhà văn hóa thôn Tân Thành	Tân Thành	100m2	2017	550	275	0	0	275	333	233	0	0	100	217	42	0	0	175	0	0	0	0	0
11.4	Khu thể thao xã	Chánh Trạch 3	2000m2	2017	1.500	750	0	0	750	896	546	0	0	350	604	204	0	0	400	0	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
										Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
X	HUYỆN VINH THẠNH				11.694	9.804	0	229	1.661	9.571	8.139	0	0	1.432	2.123	1.665	0	229	229	0	0	0	0	0
1	Vinh Hiệp				2.056	1.850	0	103	103	1.254	1.254	0	0	0	802	596	0	103	103	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0															
1	Cum các công trình thể dục thể thao thôn, Hạng mục: Tường rào công ngõ + BTXM sân bóng chuyền khu thể thao thôn Vinh Phúc, Vinh Thọ.	Vinh Phúc, Vinh Thọ	2 sân bóng chuyền 24x15m, tường rào công ngõ	2017	556	500	0	28	28	500	500	0	0	0	56	0	0	28	28	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm								0															
1	Xây dựng hệ thống thoát nước dọc theo hai bên tuyến đường bê tông liên xã đi qua thôn Vinh Cừ, Vinh Khương, Vinh Phúc	Vinh Cừ, Vinh Khương, Vinh Phúc	1000m	2017	1.500	1.350	0	75	75	754	754	0	0	0	746	596	0	75	75	0	0	0	0	0
2	Vinh Kim				1.329	1.195	0	67	67	891	891	0	0	0	438	304	0	67	67	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 4: Điện								0															
	Đường dây hạ thế: Từ ngã rẽ đi Kông trứ đến bể nước sạch thôn O5	O5	328m	2017	146	131	0	8	8	131	131	0	0	0	15	0	0	8	8	0	0	0	0	0
	Đường dây hạ thế từ nhà Đình Thị Nhiên đến rừng ma thôn Đắc Tra	Đắc Tra	430m	2017	238	214	0	12	12	214	214	0	0	0	24	0	0	12	12	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0															
	Nâng cấp sân thể thao xã	Đắc Tra	6500m2	2017	945	850	0	48	48	546	546	0	0	0	399	304	0	48	48	0	0	0	0	0
3	Vinh Quang				1.170	1.052	0	59	59	1.052	1.052	0	0	0	118	0	0	59	59	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa								0															
1	Cải tạo, nâng cấp sân chơi, bãi tập khu thể thao, thể dục ở các thôn Định Trường, Định Thái, Định Trung, Định Xuân, Định Quang	5 thôn	2 sân bóng chuyền, mỗi sân 350m2, tường rào công ngõ, sân ủi mặt bằng	2017	1.170	1.052	0	59	59	1.052	1.052	0	0	0	118	0	0	59	59	0	0	0	0	0
4	Vinh Thịnh				1.250	1.041	0	0	209	1.250	1.041	0	0	209	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0															

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án					Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm														
										Kế hoạch năm 2017					Kế hoạch năm 2018					Kế hoạch năm 2019				
					Tổng các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác
1	Xây dựng đường liên xóm thôn An Nội (Giai đoạn II), Hạng mục: BTXM từ nhà ông Tài đến nhà ông Trung	An Nội	650,65m	2017	688	555	0	0	134	688	555	0	0	134	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nâng cấp đường nội đồng thôn M3	M3	356m	2017	562	487	0	0	75	562	487	0	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Vĩnh Hòa				1.808	1.400	0	0	408	1.324	916	0	0	408	484	484	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0															
1	BTGT nông thôn. Hạng mục: Tuyến từ đường bê tông liên thôn đến nghĩa địa	M8	1000m	2017	1.004	800	0	0	204	762	558	0	0	204	242	242	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nâng cấp, cấp phối đường bê tông, hạng mục: Nâng cấp, cấp phối sỏi dôi từ nhà ông Quý đến suối nước Gà; từ nhà ông Trà đến Hồ Chuối; từ nhà ông Thọ ra sông Kôn; từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến Đả Trãi thôn M6	M6	1000m	2017	804	600	0	0	204	562	358	0	0	204	242	242	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Vĩnh Thuận				1.236	1.018	0	0	219	1.236	1.018	0	0	219	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0															
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu sản xuất Tà Bàng	Làng 5	900m	2017	1.236	1.018	0	0	219	1.236	1.018	0	0	219	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Vĩnh Hảo				1.850	1.454	0	0	397	1.651	1.254	0	0	397	200	200	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0															
1	BTXM từ ĐT 637 cũ đến Suối Hồ Cau	Vĩnh Hảo	1323m	2017	1.427	1.096	0	0	331	1.427	1.096	0	0	331	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	BTXM từ đường Hang Hủ đến rẫy Đình Ưch	Tà Điệp	265m	2017	423	357	0	0	66	224	158	0	0	66	200	200	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Vĩnh Sơn				995	795	0	0	200	913	713	0	0	200	82	82	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông								0															
1	Đường ngõ xóm: Nâng cấp tuyến từ nhà Đặng Văn Khánh đến Đập Suối Quyền	Thôn K8	800m	2017	995	795	0	0	200	913	713	0	0	200	82	82	0	0	0	0	0	0	0	0